

Bản án số: 299/2025/HS-ST
Ngày: 31 – 12 – 2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đặng Văn Ân

2/ Bà Hoàng Thị Vân

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Bích Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Xuân Hương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại Phòng xét xử hình sự thuộc Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 406/2025/TLST/HS – ST ngày 04 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 392/2025/QĐXXST – HS ngày 11 tháng 12 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Ngọc Q; giới tính: Nam; sinh năm 1984, tại tỉnh Thanh Hóa; hộ khẩu thường trú: Khu phố Suối C, Thị trấn L, huyện C, tỉnh Đồng Nai. (nay là Ấp Suối C, xã C, tỉnh Đồng Nai); chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Tài xế; họ tên cha: Lê Ngọc Q; họ tên mẹ: Nguyễn Thị M; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2024 (có mặt).

2. Họ và tên: Nguyễn Văn Đ; giới tính: Nam; sinh ngày 30/01/2006, tại tỉnh An Giang; hộ khẩu thường trú: 136/2 tổ A, khóm Đông A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (nay là 136/2 tổ A, khóm Đông A, phường Long X, tỉnh An Giang); chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Làm thuê; họ tên cha: Nguyễn Văn Đ; họ tên mẹ: Nguyễn Thị Đ; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo chưa có vợ, con

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/12/2024 (có mặt).

3. Họ và tên: Lâm Văn B; giới tính: Nam; sinh năm 1985, tại tỉnh Cà Mau; hộ khẩu thường trú: Ấp Tân P, xã Lợi A, huyện Trần Văn T, tỉnh Cà Mau. (nay là ấp Tân P, xã Lương Thề T, tỉnh Cà Mau); chỗ ở: Như trên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm thuê; họ tên cha: Lâm Tấn P; họ tên mẹ: Lê Thị M; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo có vợ tên Dương Thị T, có 02 người, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/12/2024 (có mặt).

4. Họ và tên: Dương Thanh T; giới tính: Nam; sinh năm 1990, tại tỉnh Tiền Giang; hộ khẩu thường trú: Ấp Cầu Bà T, xã Tân Đ, huyện Gò Công Đ, tỉnh Tiền Giang. (nay là ấp Cầu Bà T, xã Tân Đ, tỉnh Đồng Tháp); chỗ ở: Như trên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 3/12; nghề nghiệp: Làm thuê; họ tên cha: Nguyễn Văn P; họ tên mẹ: Dương Thị H; hoàn cảnh gia đình: Tại phiên tòa bị cáo khai có vợ tên Trần Thị Ngọc C (đã ly hôn), có 01 người con sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/12/2024 (có mặt).

5. Họ và tên: Trần Tường V; giới tính: Nam; sinh năm 1987, tại tỉnh Tiền Giang; hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã V, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở: Như trên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Tài xế; họ tên cha: Trần Văn T; họ tên mẹ: Lê Thị Hoa E; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Kiều O, có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2018, con nhỏ nhất sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2025 (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông La Thanh S, sinh năm: 1981 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khóm Đông A, phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bà Trần Thị Bích L, sinh năm: 1968 (có mặt).

Nơi cư trú: 59 Long P, Long C, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Người làm chứng: Ông Phạm Huy B, sinh năm: 1996 (vắng mặt).

Nơi cư trú: C6/24A ấp A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 18/11/2024, Lê Ngọc Q điều khiển xe ô tô tải biển số 51C-221.85, trên xe có Nguyễn Văn Đ lưu thông trên đường Đinh Đức T theo hướng từ Long An về Quốc lộ A thì bị xe ô tô tải biển số 63C-090.65 do Trần Tường V điều khiển, trên xe còn có 02 người là Lâm Văn B và Dương Thanh T va quệt vào gương chiếu hậu bên trái xe nên Q điều khiển xe chạy lên chặn đầu xe ô tô tải do V điều khiển tại trước địa chỉ D17/43 đường Đinh Đức T, ấp A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. V và Đ xuống xe tranh cãi, Đ xông đến dùng tay phải đánh vào vùng mặt của V, V giằng co và xô Đ ra, thấy vậy Q lấy từ trong xe ô tô tải biển số 51C-221.85 ra 01 thanh sắt vuông (dài khoảng 60 cm) đi đến sau lưng và đánh vào lưng của V 01 cái, Đ xông đến dùng tay phải đánh V nên V bỏ chạy ra phía sau xe ô tô tải biển số 63C-090.65. Thấy V bị đánh nên B lấy thanh sắt trên cabin xe ô tô tải biển số 63C-090.65 (dài khoảng 110 cm, đầu uốn thành chữ N) lao đến đánh Q 03 cái, Q giơ thanh sắt đang cầm trên tay lên để đỡ rồi bị đánh trúng tay làm rơi cây sắt xuống đường; T dùng chai nước suối trên xe ném Q nhưng không trúng, Q nhặt lại cây sắt rồi cùng Đ quay lại xe ô tô tải biển số 51C-221.85.

Cùng lúc đó, V kêu B ngừng lại thì B nghe theo V lên xe ô tô tải biển số 63C-090.65 rồi V điều khiển xe lùi lại và đánh lái sang trái vượt $\frac{1}{2}$ xe ô tô tải biển số 51C-221.85 thì B tiếp tục ngoắc tay khiêu khích Q và Đ nên Đ đi đến lề đường nhặt 02 cục bê tông cầm trên 02 tay chạy đến xe ô tô biển số 63C-090.65 ném 01 cục bê tông trúng vào kính cửa xe bên phải làm vỡ kính xe. V liền dừng xe lại tại gần giữa giao lộ đường Đinh Đức T và đường Huỳnh Văn T để B xuống xe, cầm cây sắt rượt đuổi theo Đ thì Đ cầm cục bê tông còn lại giơ lên để hù dọa B nên B dừng lại. Đ quay trở lại cabin xe ô tô tải biển số 51C-221.85 ném tiếp cục bê tông còn lại trúng vào tay phải và ngực phải của B. Khi đó, B dùng 02 tay cầm thanh sắt đánh vào cửa xe bên phải xe ô tô tải biển số 51C-221.85 làm bể kính và đánh vào phần lỗ trống trên cửa trúng vào tay, ngực của Đ. T nhặt 01 cục bê tông mà Đ ném vào B lúc nãy rồi dùng tay phải ném vào cửa xe bên phải làm vỡ kính cửa xe ô tô tải biển số 51C-221.85 và cục bê tông tiếp tục lao trúng vào mắt trái của Đ. B tiếp tục cầm thanh sắt đập 01 cái làm vỡ kính xe bên phải rồi Đ lấy thanh sắt vuông của Q vừa cất trên cabin xe để chống trả. Q điều khiển xe ô tô tải biển số 51C-221.85 chở Đ bỏ chạy, còn V điều khiển xe ô tô biển số 63C-090.65 chở theo B và T chạy theo phía sau. Trên đường đi thì bị Công an phát hiện mời tất cả về làm việc.

Vụ việc được anh Phạm Huy B dùng điện thoại cá nhân quay lại và đăng lên mạng xã hội. Nhận được tin báo, Công an xã B tiếp nhận hồ sơ ban đầu và chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra để điều tra theo thẩm quyền.

Công văn số 3190/UBND ngày 20/11/2024 của Ủy ban nhân dân xã B, Thành phố Hồ Chí Minh xác định: “Nhận thấy vụ việc trên xảy ra ban ngày, tại nơi công cộng, có đông dân cư sinh sống và vào thời điểm có nhiều phương tiện tham gia giao thông, đã gây tâm lý hoang mang và bất B trong dư luận, nhất là khi báo chí đã đăng tải video ghi nhận vụ việc trên, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương”.

Kết luận giám định số 3147/KL-KTHS ngày 26/3/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận về đoạn video ghi lại vụ án như sau:

“1. Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong tập tin video cần giám định ký hiệu A (đã nêu tại mục II.1).

2. Đã trích xuất dữ liệu hình ảnh và mô tả theo yêu cầu nêu tại mục III trong tập tin video cần giám định ký hiệu A (đã nêu tại mục II.1) ra bản ảnh. Nội dung chi tiết thể hiện trong phụ lục gửi đính kèm”.

Kết luận định giá tài sản số 4146/KL-HĐĐGTS ngày 31/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định:

“1. 01 kính chắn gió của cửa bên phải xe ô tô tải biển số 63C-090.65 có giá trị còn lại là 700.000 đồng.

2. 01 kính chắn gió của cửa xe bên phải xe ô tô tải biển số 51C-221.85 có giá trị còn lại là 700.000 đồng.”

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Lê Ngọc Q, Nguyễn Văn Đ, Lâm Văn B và Dương Thanh T và Trần Tường V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng thu giữ:

(1) 01 USB bên trong có đoạn video ghi nhận lại sự việc tại hiện trường do Phạm Huy B dùng điện thoại quay lại, lưu kèm hồ sơ vụ án;

(2) 01 xe tải biển số 51C-221.85, số máy D4BBY866170, số khung KMFXXN7BPYU361038. Qua xác minh, xe ô tô tải do anh Lê Văn L đứng tên chủ sở hữu, ông L bán xe trên cho ông La Thanh S vào năm 2024 với giá 50.000.000 đồng, chỉ làm giấy tay không làm hợp đồng mua bán, sang tên. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho anh Sang;

(3) 01 xe tải biển số 63C-090.65, số máy D4DBGJ623083, số khung RNHA999AKGC016369. Qua xác minh, xe ô tô tải do chị Trần Thị Bích L đứng tên chủ sở hữu, chị L mua xe trên vào năm 2016 với giá 700.000.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho chị L;

(4) 01 thanh sắt vuông dài khoảng 60cm;

(5) 01 thanh sắt tiết diện tròn, 01 đầu uốn thành chữ N (dài 110 cm, phần uốn dài 23cm);

Tại bản Cáo trạng số 112/CT – VKS - HS ngày 03 tháng 12 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lê Ngọc Q, Lâm Văn B, Dương Thanh T và Trần Tường V về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b Khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lê Ngọc Q, Lâm Văn B, Dương Thanh T và Trần Tường V đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Các bị cáo không tranh luận, lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố sau khi nêu tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất của vụ án những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b Khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc Q từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b Khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lâm Văn B từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b Khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Dương Thanh T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b Khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Tường V từ 02 năm đến 03 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b Khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bà Trần Thị Bích L trình bày đã nhận lại xe ô tô tải biển số 63C-090.65, số máy D4DBGJ623083, số khung RNHA999AKGC016369 và không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại. Ông La Thanh S vắng mặt tại phiên tòa dù đã được triệu tập hợp lệ; các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ thể hiện ông Sang đã nhận lại xe ô tô tải biển số 51C-221.85, số máy D4BBY866170, số khung KMFXKN7BPYU361038 và không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các bị cáo trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lê Ngọc Q, Lâm Văn B, Dương Thanh T và Trần Tường V tại tòa hoàn toàn phù hợp với nhau; phù

hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án; vụ án còn được chứng minh qua hoạt động điều tra như biên bản lấy lời khai; bản ảnh hiện trường, thu giữ vật chứng, các kết luận giám định...cùng các chứng cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 18/11/2024, trước địa chỉ D17/43 đường Đinh Đức T, ấp A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lê Ngọc Q đánh nhau với nhóm các bị cáo Lâm Văn B, Dương Thanh T và Trần Tường V. Các bị cáo dùng thanh sắt, cục bê tông làm hung khí đuổi đánh nhau, đập phá xe làm náo loạn trên đường vào buổi trưa có nhiều phương tiện tham gia giao thông. Căn cứ vào Công văn số 3190/UBND ngày 20/11/2024 của Ủy ban nhân dân xã B, Thành phố Hồ Chí Minh xác định: “Nhận thấy vụ việc trên xảy ra ban ngày, tại nơi công cộng, có đông dân cư sinh sống và vào thời điểm có nhiều phương tiện tham gia giao thông, đã gây tâm lý hoang mang và bất B trong dư luận, nhất là khi báo chí đã đăng tải video ghi nhận vụ việc trên, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương”.

Với những tình tiết được chứng minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lê Ngọc Q, Lâm Văn B, Dương Thanh T và Trần Tường V đã phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” tội phạm được quy định tại Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Mâu thuẫn xuất phát từ việc va chạm khi tham gia giao thông giữa các phương tiện nhưng các bị cáo không lựa chọn hướng giải quyết bằng việc thỏa thuận, hòa giải mà sử dụng vũ lực. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, mục đích phạm tội là muốn giải quyết mâu thuẫn trong cuộc sống vũ lực. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là sai trái, là vi phạm pháp luật nhưng bản tính của các bị cáo là hung hăng, muốn thể hiện, có thái độ coi thường pháp luật nên các bị cáo cố ý phạm tội. Tội phạm các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương mà còn ảnh hưởng xấu đến cuộc sống, gây tâm lý hoang mang và bất B trong dư luận. Do đó, khi lượng hình, Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn một thời gian thì mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Các bị cáo dùng thanh sắt, cục bê tông làm hung khí đánh nhau, đập phá xe ô tô là thuộc trường hợp định khung hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử các bị cáo là phù hợp.

[5] Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể, các bị cáo phạm tội do nóng giận, bộc phát tức thời. Trong đó, các bị cáo Q, Đ, B, T có vai trò hành vi phạm tội là có phần nổi trội nên khi lượng hình mức án của các bị cáo này là ngang bằng nhau là phù hợp. Đối với bị cáo V là đồng phạm có vai trò hạn chế hơn các bị cáo còn lại

nên khi lượng hình mức án đối với bị cáo V sẽ thấp hơn các bị cáo còn lại là phù hợp.

[6] Đối với hành vi đánh nhau giữa các bị cáo Lê Ngọc Q, Nguyễn Văn Đ, Lâm Văn B và Trần Tường V: Sau khi sự việc xảy ra các bị cáo đã có Đ từ chối giám định thương tích, không yêu cầu xử lý hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý về hành vi cố ý gây thương tích đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ có hành vi dùng cục bê tông ném vào xe ô tô tải biển số 63C-090.65 làm vỡ kính cửa xe bên phải; bị cáo Lâm Văn B có hành vi cầm cây sắt đánh vào cửa xe bên phải xe ô tô tải biển số 51C-221.85 làm bể kính và bị cáo Dương Thanh T có hành vi ném cục bê tông vào cửa xe bên phải làm vỡ kính cửa ô tô tải biển số 51C-221.85. Do kết luận định giá tài sản xác định giá trị tài sản bị hư hỏng dưới 2.000.000 đồng nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xử lý các bị cáo về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Ngoài ra, chủ xe là bà L và ông Sang không yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với tài sản bị hư hại, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo và đã tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự. Xét tình tiết giảm nhẹ nêu trên để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt được quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[9] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với 01 USB bên trong có đoạn video ghi nhận lại sự việc tại hiện trường do ông Phạm Huy B dùng điện thoại quay lại, lưu kèm hồ sơ vụ án sẽ tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

Đối với xe tải biển số 51C-221.85, số máy D4BBY866170, số khung KMFYKN7BPYU361038. Qua xác minh, xe ô tô tải do ông Lê Văn L đứng tên chủ sở hữu, ông L bán xe trên cho ông La Thanh S vào năm 2024 với giá 50.000.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho ông Sang; đối với xe tải biển số 63C-090.65, số máy D4DBGJ623083, số khung RNHA999AKGC016369. Qua xác minh, xe ô tô tải do bà Trần Thị Bích L đứng tên chủ sở hữu, bà L mua xe trên vào năm 2016 với giá 700.000.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho chị L, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với 01 thanh sắt vuông dài khoảng 60cm; 01 thanh sắt tiết diện tròn, 01 đầu uốn thành chữ N (dài 110 cm, phần uốn dài 23cm), xét các vật chứng này các bị cáo dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội, vật không còn giá trị sử dụng, Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy theo điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

[10] Về dân sự: Bà Trần Thị Bích L, ông La Thanh S không yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 318, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Ngọc Q.

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 318, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ.

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 318, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lâm Văn B.

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 318, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Dương Thanh T.

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 318, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Tường V.

Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 106; Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc Q 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày 23/12/2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày 19/12/2024.

Xử phạt bị cáo Lâm Văn B 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày 19/12/2024.

Xử phạt bị cáo Dương Thanh T 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày 19/12/2024.

Xử phạt bị cáo Trần Tường V 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù tính từ ngày 29/10/2025.

Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 thanh sắt vuông dài khoảng 60cm; 01 thanh sắt tiết diện tròn, 01 đầu uốn thành chữ N (dài 110 cm, phần uốn dài 23cm).

(các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 theo Biên bản giao, nhận tang tài vật được lập vào ngày 11/6/2025 giữa Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10)

Tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án 01 USB (đang lưu hồ sơ vụ án).

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và bà L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND KV10. TPHCM;
- Trại tạm giam Chí Hòa – Phân trại tạm giam B Trị Đồng;
- THADS TP.HCM;
- Phòng THADS.KV10-TP.HCM
- Phòng hồ sơ, CA TP. HCM PV06;
- Trại tạm giam đang giam, giữ bị cáo;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Sơn